

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 6

NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 7 : Từ 18/10/2021 đến 23/10/2021

Tiết 1:

Bài 14: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

1/Các em hãy đọc hoạt động 1(SGK trang 44-45): Chia hình chữ nhật thành các ô vuông.

-Các em chuẩn bị sẵn một tấm bìa giấy hình chữ nhật có chiều dài 28cm, chiều rộng 16cm

- Các em hãy nêu các bước tìm ƯCLN của hai hay nhiều số tự nhiên.

-Tìm ƯCLN(28,16)

-Hãy Chia tấm bìa hình chữ nhật thành các ô vuông có cạnh bằng ƯCLN(28,16).

-Các em hãy tô màu các ô vuông đã được chia

2/ Các em đọc và thực hiện hoạt động 2: Tìm hiểu diện tích và dân số của các quốc gia.

- Các em hãy tra cứu và tìm kiếm các thông tin về dân số và diện tích của 10 quốc gia rồi ghi vào bảng sau:

stt	Quốc gia	Dân số (người) (a)	Diện tích (km ²) (b)	q	r
1	Việt nam	96 208 984	331231	290	151 994
2					
...

-Trong đó $a=b.q+r$
a chỉ dân số, b chỉ diện tích

q chỉ gần đúng mật độ dân số (người /km²)

Từ đó tìm xem quốc gia nào có mật độ dân số lớn nhất, nhỏ nhất

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

-Chia hình chữ nhật thành hình vuông có dạng ở hình SGK trang 45

-Tìm hiểu diện tích và dân số của các quốc gia

PHIẾU BÀI TẬP

Tìm hiểu diện tích và dân số quốc gia.

$a = b.q + r$ trong đó : a là dân số.

b là diện tích

q là mật độ dân số của mỗi quốc gia (người/km²)

STT	Quốc gia	Dân số (người)	Diện tích (km ²)	q	r
1	Việt Nam	96 208 984	331 231	290	151 994
2	Nhật Bản				
3	Malaysia				
4	Hàn Quốc				
5	Philippin				
6	Anh				
7	Mỹ				
8	Nga				
9	Thái Lan				
10	Pháp				

Kết luận :

- Quốc gia có mật độ dân số lớn nhất là :

.....

- Quốc gia có mật độ dân số nhỏ nhất là :

.....

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

- Xem lại nội dung kiến thức toàn bộ các bài trong chương.
- Xem các bài tập : “**Bài tập cuối chương I**”
- Làm trước các bài tập trắc nghiệm và các bài tập tự luận: **1, 2, 3, 4** (SGK – tr45,46).

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, đề hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phân B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi

Tiết 2:

BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 1 (T1)

(Tiết 1 bài tập trắc nghiệm và bài tập 1 trang 45-46)

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

- Các em làm bài trắc nghiệm từ câu 1 đến câu 6 (SGK trang 45-46)
- Các em làm bài tập tự luận : bài 1(trang 46)

Nhớ lại : thứ tự thực hiện các phép tính

+Biểu thức không có dấu ngoặc

+Biểu thức có dấu ngoặc

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- HS trình bày chữa bài tập trắc nghiệm :Câu 1 -> Câu 6.

1. C ; 2. C ; 3. D; 4.C ; 5.D ; 6.C.

-Học sinh hoàn thành bài tập 1

Bài 1 :

$$\begin{aligned}\text{a) } A &= 37 \cdot 173 + 62 \cdot 173 + 173 \\ &= 173 \cdot (37 + 62 + 1) \\ &= 173 \cdot 100 \\ &= 17\,300\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{b) } B &= 72 \cdot 99 + 28 \cdot 99 - 900 \\ &= 99 \cdot (72 + 28) - 900 \\ &= 9\,900 - 900 \\ &= 9\,000\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{c) } C &= 2^3 \cdot 3 - (1^{10} + 15) : 4^2 \\ &= 8 \cdot 3 - (1 + 15) : 4^2 \\ &= 8 \cdot 3 - 16 : 4^2 \\ &= 8 \cdot 3 - 1 \\ &= 8 \cdot 3 - 1 \\ &= 23\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{d) } D &= 6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2 - 210^0 \\ &= 36 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 25 - 1 \\ &= 27 + 50 - 1 \\ &= 76\end{aligned}$$

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

Các em về nhà chuẩn bị bài tập 2,3,4 SGK trang 46

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phân B: Trong bài học	1. 2. 3.

Tiết 3

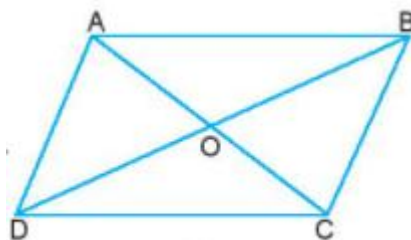
Bài 2: Hình chữ nhật – Hình thoi

Hình bình hành – Hình thang cân (t2)

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

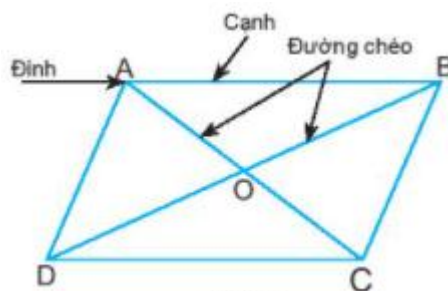
3. Hình bình hành

HĐKP3:



Hình 7

- Hãy đo và so sánh cạnh AB và CD; cạnh BC và AD
- Hãy kiểm tra xem hai cặp cạnh AB và CD; BC và AD có song song với nhau không
- AC và BD được gọi là hai đường chéo của hình bình hành, hai đường chéo cắt nhau tại O. Hãy so sánh OA và OC ; OB và OD.



Hình 8

Hình bình hành ABCD có:

- Bốn **đỉnh** A, B, C, D.
- Hai cặp **cạnh đối diện** bằng nhau:

$$AB = CD; BC = AD.$$

- Hai cặp **cạnh đối diện** song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai cặp **góc đối diện** bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh C, góc đỉnh B bằng góc đỉnh D.
- Hai **đường chéo** cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:

$$OA = OC; OB = OD.$$

Thực hành 5

Các em làm bài thực hành 5 (tr 83)

Vận dụng 4 : (tr 83)

Các em thực hiện vận dụng 4

Thực hành 6 : Vẽ hình bình hành(tr 83)

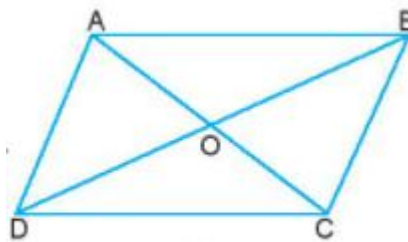
Các em xem thực hiện theo sách giáo khoa

Vận dụng 5 : (tr 83)

Các em thực vận dụng 5

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

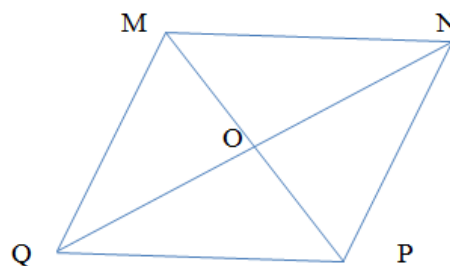
HĐKP3:



Hình 7

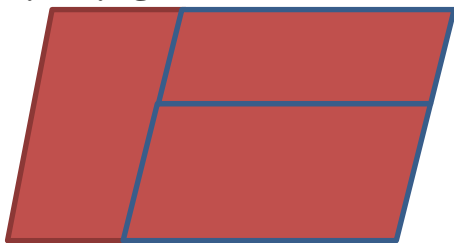
- Ta thấy độ dài cạnh AB và CD bằng nhau, độ dài cạnh AD và BC bằng nhau.
- Ta thấy cặp cạnh AB và CD song song nhau và cặp cạnh AD và BC song song nhau.
- Ta thấy OA và OC bằng nhau, OB và OD bằng nhau.

Thực hành 5:



- Góc ở đỉnh M bằng với góc ở đỉnh P.
- $OM = OP$, $OM = OQ$.

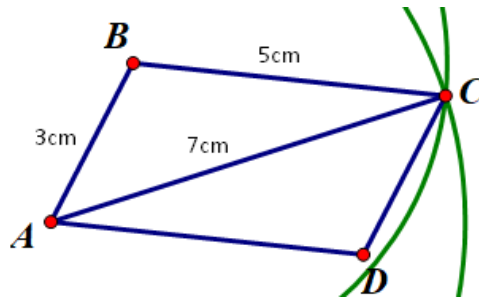
Vận dụng 4:



Thực hành 6:

Vẽ hình bình hành ABCD khi biết $AB = 3\text{cm}$; $BC = 5\text{cm}$ và đường chéo $AC = 7\text{cm}$:

- Vẽ đoạn thẳng $AB = 3\text{cm}$.
 - Vẽ đường tròn tâm A bán kính 7cm ; vẽ đường tròn tâm B bán kính 5cm ; hai đường tròn cắt nhau tại C. Nối B với C.
 - Từ A kẻ đường thẳng song song với BC; từ C kẻ đường thẳng song song với AB; hai đường thẳng này cắt nhau tại D.
- \Rightarrow Ta được hình bình hành ABCD.



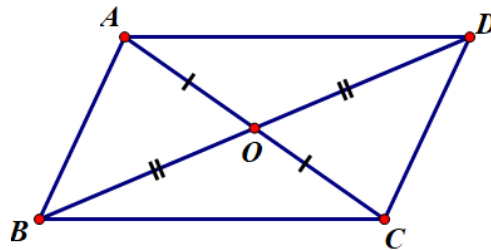
Vận dụng 5:

Vẽ hình bình hành ABCD biết đường chéo $AC = 5\text{cm}$, $BD = 7\text{cm}$.

- Vẽ đường chéo $AC = 5\text{cm}$
- Lấy O là trung điểm của AC.
- Vẽ đường thẳng $BD = 7\text{cm}$ qua O sao cho O là trung điểm của BD.

Nối A với B, A với D, nối C với B, C với D.

=> Ta được hình bình hành ABCD .



Thảo luận:

- Các cặp cạnh đối diện AB và CD, BC và AD bằng nhau
- Các đường chéo cắt nhau tại tâm O
- Độ dài cạnh AB và CD bằng nhau, độ dài cạnh AD và BC bằng nhau.

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

Các em về nhà làm bài tập 3, 4 trang 85-86

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
---------	------------------	----------------------

Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.
------	---	----------------

Chúc các em học thật giỏi

Tiết 4

Bài 2: Hình chữ nhật – Hình thoi

Hình bình hành – Hình thang cân (t3)

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

4. Hình thang cân

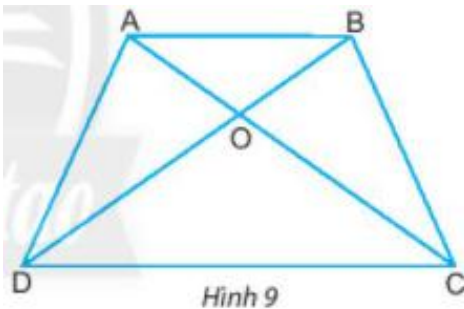
Các em làm HĐKP4 (trang 84)

Cho hình thang ABCD :

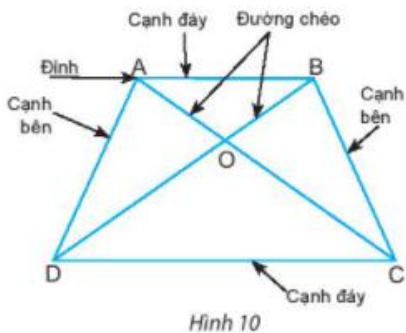
a/ Hãy đo rồi so sánh **cạnh bên** BC và AD

b/ Hãy kiểm tra xem AB có song song với CD không

c/ AC và BD được gọi là hai **đường chéo**. Hãy so sánh AC và BD



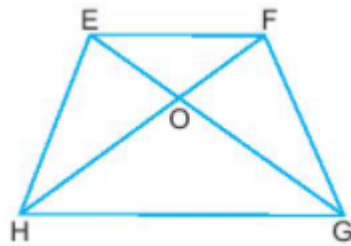
Hình thang ABCD (Hình 10) có:



- Hai **cạnh đáy** song song: AB song song với CD .
- Hai **cạnh bên** bằng nhau: $BC = AD$.
- Hai **góc kề** một đáy bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh B , góc đỉnh C bằng góc đỉnh D .
- Hai **đường chéo** bằng nhau: $AC = BD$.

Hình thang $ABCD$ như thế được gọi là **hình thang cân**.

Thực hành 7

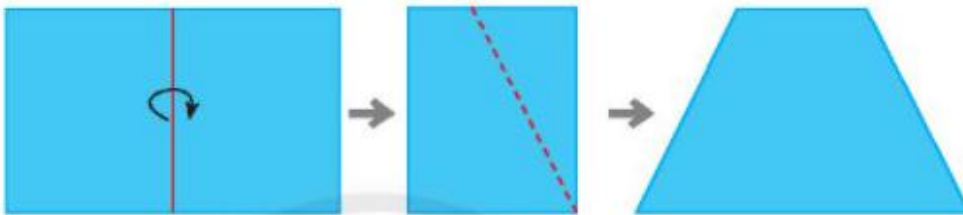


Cho hình thang cân như hình vẽ. Hãy cho biết

- Góc đỉnh H của hình thang $EFGH$ bằng góc nào ?
- EG, EH lần lượt bằng đoạn thẳng nào ?

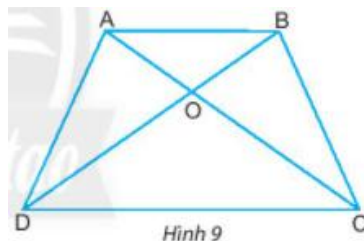
Vận dụng 6 :

Gấp đôi một tờ giấy hình chữ nhật, rồi cắt theo đường nét đứt như hình bên dưới, sau đó trải tờ giấy ra. Hình vừa cắt là hình gì ?



II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

HĐKP4:

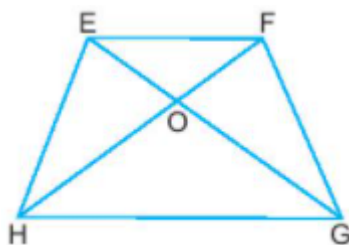


Hình 9

- Hai cạnh bên BC và AD bằng nhau.
- AB song song với CD .

c) Ta thấy hai đường chéo AC và BD bằng nhau.

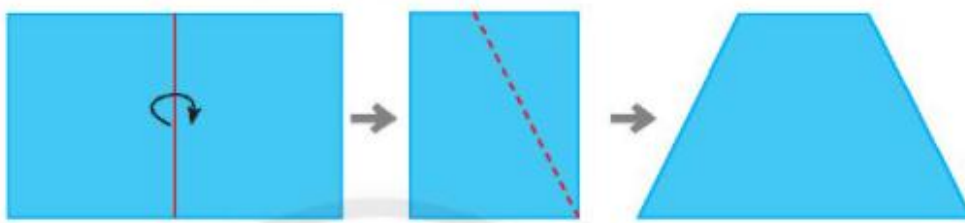
Thực hành 7:



- Góc đỉnh H bằng với góc đỉnh G.
- $EG = FH$ và $EH = FG$.

Vận dụng 6:

Hình vừa cắt được là hình thang



III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

Các em về nhà làm bài tập 5 trang 86

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi